

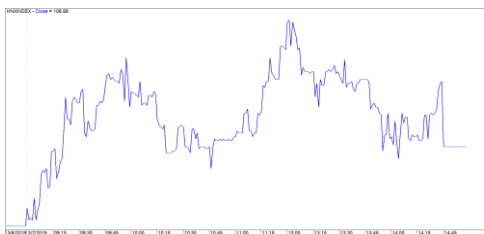
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	994.03	108.88	56.25
% ngày	-0.05%	0.37%	0.34%
% tuần	2.96%	2.85%	2.03%
% tháng	9.39%	5.36%	2.63%
% năm	-10.63%	-13.31%	-6.98%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,586	819	360
TB 1 tuần	4,690	647	288
TB 1 tháng	4,478	570	319
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	844.81	40.45	33.97
Bán	812.70	20.67	33.28
Giá trị ròng	32.11	19.78	0.69
Độ rộng TT			
Mã Tăng	148	98	157
Mã Giảm	162	70	102
Không Đổi	75	214	602
Chỉ số chính			
P/E	16.91	10.18	17.11
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,263	203	988
LS Cổ tức	2.92%	4.02%	4.78%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX

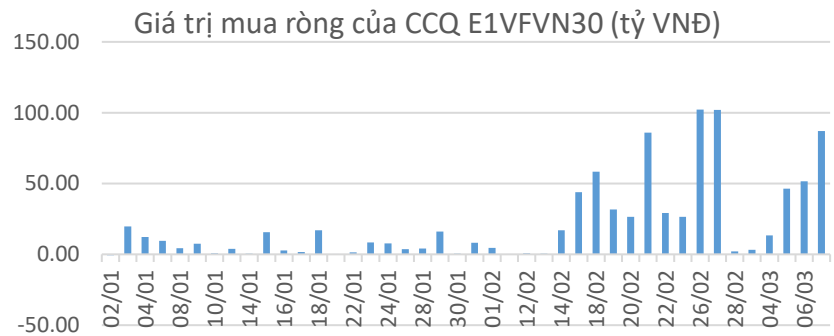


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Nhiều thị trường lớn sau nhiều phiên tăng điểm như Nhật Bản Trung Quốc, Taiwan và Hongkong thì trong phiên lại chịu áp lực bán khiến cho các chỉ số đều quay đầu giảm. Mặt khác của thị trường Châu Á vẫn còn nhiều chỉ số tăng điểm khá tốt như Singapore, Thái Lan, Ấn Độ...

Riêng đối với thị trường Việt Nam, mốc tâm lý 1,000 điểm vẫn chưa được phá vỡ. Chỉ số VN-Index quay đầu giảm cuối phiên và đóng cửa ở mức 994.03 điểm. Bên sàn Hà Nội lại có những diễn biến tích cực trên cả hai chỉ số HNX-Index và Upcom-Index đều có mức tăng trên 0.3% cho mỗi chỉ số. Thanh khoản toàn thị trường vẫn giữ ở mức trung bình khoảng 5,700 tỷ đồng.

Tiếp tục một phiên mua ròng của khối ngoại khi tổng giá trị mua ròng gần 52 tỷ đồng. Dòng vốn ngoại chảy liên tục vào CCQ E1VFN30 ngoài ra còn những cổ phiếu khác như VRE, VCB và nhóm dầu khí PVS, PLX. Ngược chiều với đó là DHG, VHM, YEG, VJC lại bị khối ngoại bán ròng. CCQ E1VFN30 từ đầu năm 2019 đến nay được khối ngoại mua ròng hơn 877 tỷ đồng và mua ròng mạnh từ giữa tháng 2/2019 đến nay.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ quay trở lại đà giảm trong phiên giao dịch kế tiếp, chỉ số VN-Index có thể kiểm định lại mức 980 điểm. Đồng thời, thị trường có thể sẽ bước vào giai đoạn tích lũy sau giai đoạn tăng kéo dài vào hai tháng đầu năm 2019, đặc biệt rủi ro ngắn hạn có chiều hướng tăng dần. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ và trong vùng 70 – 80%, đây vẫn là vùng cảnh báo thận trọng và cơ hội tìm kiếm lợi nhuận sẽ trở nên khó khăn hơn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 999.54 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức chốt lỗ ở mức 105.95 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng ở mức hiện tại và cơ cấu lại danh mục, chốt một phần danh mục ở các cổ phiếu đã tăng mạnh và vị thế mua mới cần nên hạn chế trong giai đoạn này hoặc chỉ xem xét lướt sóng trong thời gian rất ngắn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 71% cổ phiếu/29% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	815	835	786	769



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16,450	TĂNG	GIẢM	15,400	16,035	6.82%			16,605		
ACB	30,500	TĂNG	GIẢM	30,200	29,599	0.99%			33,291		
ACV	89,800	TĂNG	TĂNG	88,300	86,517	1.70%		90,000	78,184	-0.22%	
ANV	28,950	TĂNG	GIẢM	27,200	27,544	6.43%			31,024		
ASM	8,690	TĂNG	GIẢM	8,690	8,614	0.00%	MUA		9,351		
BFC	21,850	GIẢM	GIẢM		22,465				25,187		
BID	34,900	TĂNG	TĂNG	34,600	32,877	0.87%		33,400	29,888	4.49%	
BMP	54,000	TĂNG	GIẢM	50,800	51,474	6.30%			54,542		
BSR	14,400	TĂNG	GIẢM	13,100	13,581	9.92%			15,250		
BVH	96,600	TĂNG	TĂNG	94,400	93,088	2.33%		86,000	88,082	12.33%	
BWE	25,850	TĂNG	TĂNG	25,700	24,215	0.58%		20,000	22,133	29.25%	
CEO	13,800	TĂNG	GIẢM	13,500	13,440	2.22%			14,755		
CHP	23,000	TĂNG	TĂNG	21,450	22,318	7.23%		23,000	20,825	0.00%	
CII	23,600	TĂNG	GIẢM	24,550	22,663	-3.87%			25,832		
CMX	16,600	GIẢM	TĂNG		17,238			5,910	13,022	180.88%	
CSM	15,000	GIẢM	TĂNG		15,214			14,390	13,911	4.24%	
CTD	135,500	GIẢM	GIẢM		138,822				152,745		
CTG	21,500	TĂNG	GIẢM	19,550	20,283	9.97%			22,209		
CTI	25,400	TĂNG	TĂNG	25,900	24,268	-1.93%		26,850	23,186	-5.40%	
CVT	25,100	TĂNG	TĂNG	19,900	23,535	26.13%		22,550	19,525	11.31%	
DCM	9,150	TĂNG	GIẢM	9,200	8,998	-0.54%			9,978		
DGC	44,200	TĂNG	GIẢM	44,000	42,732	0.45%			47,020		
DGW	23,150	TĂNG	GIẢM	23,300	23,125	-0.64%			25,127		
DHA	34,200	TĂNG	TĂNG	32,250	32,348	6.05%		29,100	28,741	17.53%	
DHC	33,600	TĂNG	GIẢM	32,700	32,821	2.75%		35,200	34,601	-1.70%	MUA
DHG	119,000	TĂNG	TĂNG	77,500	113,106	53.55%		93,000	85,322	27.96%	
DIG	16,600	TĂNG	TĂNG	16,000	15,540	3.75%			16,496		
DPG	47,750	TĂNG	GIẢM	46,800	44,318	2.03%			52,441		
DPM	20,600	GIẢM	TĂNG		21,543			19,400	19,804	6.19%	
DPR	39,850	TĂNG	TĂNG	32,600	38,703	22.24%		35,950	35,774	10.85%	
DQC	29,750	TĂNG	TĂNG	27,700	26,370	7.40%		31,000	26,186	-4.03%	
DRC	22,700	TĂNG	GIẢM	22,200	22,083	2.25%			24,379		
DXG	25,000	TĂNG	GIẢM	24,700	24,522	1.21%			26,665		
EIB	17,100	TĂNG	TĂNG	17,800	16,435	-3.93%		14,700	16,280	16.33%	
FCN	16,000	TĂNG	TĂNG	13,900	14,657	15.11%			15,658		
FMC	28,850	GIẢM	TĂNG		30,283			24,700	27,888	16.80%	
FPT	44,750	GIẢM	GIẢM		45,823				45,324		
GAS	103,000	TĂNG	TĂNG	89,900	98,491	14.57%			100,384		
GEX	23,900	GIẢM	GIẢM		24,910			24,700	24,673	-0.11%	MUA
GIL	38,650	GIẢM	TĂNG		40,745			39,000	35,350	-0.90%	

We Create Fortune

GMD	27,750	TĂNG	GIẢM	27,500	27,122	0.91%			29,123		
GTN	15,600	TĂNG	TĂNG	10,400	14,186	50.00%		15,000	11,796	4.00%	MUA
HAG	6,070	TĂNG	TĂNG	5,080	5,756	19.49%		5,650	5,603	7.43%	MUA
HAX	17,150	TĂNG	GIẢM	17,200	16,485	-0.29%			17,965		
HBC	20,950	TĂNG	TĂNG	16,800	19,873	24.70%		20,250	19,374	3.46%	MUA
HCM	29,900	GIẢM	TĂNG		31,161			28,000	22,523	6.79%	
HDB	30,700	TĂNG	GIẢM	31,000	29,679	-0.97%			33,267		
HDC	14,250	GIẢM	GIẢM		14,618				14,709		
HDG	41,700	TĂNG	TĂNG	35,950	38,924	15.99%		37,400	32,495	11.50%	
HNG	15,800	TĂNG	GIẢM	15,100	15,230	4.64%			16,554		
HPG	34,100	TĂNG	TĂNG	29,500	33,352	15.59%		33,900	27,792	0.59%	
HSG	9,200	TĂNG	TĂNG	6,860	9,192	34.11%		9,300	8,479	-1.08%	MUA
HT1	16,300	TĂNG	TĂNG	14,150	15,490	15.19%		14,800	13,681	10.14%	
HUT	4,200	TĂNG	GIẢM	3,800	3,870	10.53%			4,302		
HVN	42,000	TĂNG	TĂNG	42,900	40,015	-2.10%		39,000	34,635	7.69%	
KBC	15,000	TĂNG	TĂNG	14,250	14,433	5.26%		13,450	13,032	11.52%	
KDH	31,000	TĂNG	TĂNG	31,200	30,911	-0.64%		33,000	28,037	-6.06%	
KSB	29,050	TĂNG	TĂNG	26,300	27,618	10.46%		28,900	27,640	0.52%	MUA
LCG	10,600	TĂNG	TĂNG	8,230	9,846	28.80%		9,200	7,868	15.22%	
LDG	14,400	TĂNG	GIẢM	14,950	13,862	-3.68%			16,835		
LHG	21,100	TĂNG	TĂNG	20,550	19,759	2.68%			20,947		
LPB	9,300	TĂNG	GIẢM	9,100	8,736	2.20%			9,825		
LSS	6,000	GIẢM	GIẢM		6,332				7,260		
MBB	22,200	GIẢM	TĂNG		22,439			21,850	19,807	1.60%	
MPC	44,500	GIẢM	TĂNG		48,149			47,500	39,995	-6.32%	
MSN	90,000	TĂNG	TĂNG	82,300	87,131	9.36%		89,000	88,530	1.12%	MUA
MSR	19,400	GIẢM	GIẢM		19,914				20,804		
MWG	87,700	GIẢM	GIẢM		90,314				92,376		
NDN	13,500	TĂNG	TĂNG	12,500	12,854	8.00%			13,356		
NKG	7,510	GIẢM	GIẢM	6,580	7,576	15.13%	BÁN		7,821		
NLG	26,700	TĂNG	GIẢM	26,100	26,163	2.30%			28,488		
NT2	28,900	GIẢM	TĂNG		29,807			25,900	26,915	11.58%	
NTL	17,800	GIẢM	TĂNG		19,167			10,450	16,285	70.33%	
NVL	57,400	GIẢM	GIẢM		60,644				63,950		
OIL	14,700	GIẢM	GIẢM		15,202				16,188		
PAC	38,600	TĂNG	GIẢM	38,000	37,150	1.58%			40,378		
PC1	23,800	GIẢM	GIẢM		24,531				25,195		
PDR	26,800	TĂNG	GIẢM	26,150	25,812	2.49%			27,684		
PHR	44,750	TĂNG	TĂNG	29,300	43,448	52.73%		24,000	34,587	86.46%	
PLX	61,000	TĂNG	TĂNG	60,400	57,460	0.99%			60,986		
PNJ	99,800	GIẢM	GIẢM		101,001				101,983		
POW	16,950	GIẢM	TĂNG		17,085			16,550	14,933	2.42%	
PPC	23,950	TĂNG	TĂNG	18,550	22,899	29.11%		19,700	21,245	21.57%	
PTB	63,500	TĂNG	TĂNG	60,200	61,181	5.48%		64,000	56,808	-0.78%	
PVD	18,900	TĂNG	TĂNG	15,500	17,334	21.94%			17,923		
PVI	35,100	TĂNG	TĂNG	32,900	34,101	6.69%		33,000	30,368	6.36%	



We Create Fortune

PVS	21,800	TĂNG	TĂNG	18,900	20,584	15.34%		21,100	20,919	3.32%	MUA
PXS	4,950	TĂNG	TĂNG	4,280	4,411	15.65%			4,874		
QNS	43,300	GIẢM	TĂNG		43,539			41,500	3,468	4.34%	
REE	34,050	TĂNG	TĂNG	34,500	33,069	-1.30%		35,100	30,633	-2.99%	
SAB	241,100	GIẢM	TĂNG		249,437			245,000	227,704	-1.59%	
SAM	7,400	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	4.37%		7,400	6,782	0.00%	
SCR	7,700	TĂNG	GIẢM	7,750	7,553	-0.65%			8,128		
SHI	8,280	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	20.88%		6,990	7,199	18.45%	
SJS	21,000	TĂNG	TĂNG	18,800	20,789	11.70%		18,100	18,742	16.02%	
SKG	15,550	TĂNG	GIẢM	15,400	14,672	0.97%			17,457		
SSI	28,750	TĂNG	GIẢM	26,900	27,770	6.88%			29,029		
STB	12,800	GIẢM	TĂNG		13,155			13,000	11,486	-1.54%	
TCB	26,750	GIẢM	GIẢM		27,680				N/A		
TCM	32,400	TĂNG	TĂNG	24,350	31,185	33.06%		28,000	24,233	15.71%	
TDH	11,800	TĂNG	TĂNG	10,300	11,177	14.56%		11,650	11,264	1.29%	MUA
TLH	5,310	TĂNG	GIẢM	5,000	5,144	6.20%			5,686		
TNG	22,500	TĂNG	TĂNG	18,000	20,039	25.00%		12,000	15,917	87.50%	
VCB	63,100	GIẢM	TĂNG		64,091			62,000	54,738	1.77%	
VCG	28,500	TĂNG	TĂNG	25,100	26,549	13.55%		19,200	21,527	48.44%	
VFG	37,400	GIẢM	TĂNG		38,487			34,394	34,815	8.74%	
VGC	21,600	TĂNG	TĂNG	16,300	20,558	32.52%		19,100	17,592	13.09%	
VGT	12,500	TĂNG	GIẢM	11,600	11,433	7.76%			13,091		
VHC	97,000	TĂNG	GIẢM	97,200	93,387	-0.21%			105,200		
VHM	92,000	GIẢM	TĂNG		95,528			80,000	77,013	15.00%	
VIB	19,200	TĂNG	GIẢM	18,000	18,407	6.67%			19,666		
VIC	119,200	TĂNG	TĂNG	109,100	112,875	9.26%		112,000	103,378	6.43%	
VIP	7,590	TĂNG	TĂNG	7,000	7,257	8.43%		7,350	6,632	3.27%	
VJC	121,400	GIẢM	GIẢM		123,327				130,367		
VND	18,150	TĂNG	GIẢM	16,800	17,063	8.04%			18,694		
VNG	22,450	TĂNG	TĂNG	18,301	21,467	22.67%		16,008	20,392	40.25%	
VNM	139,700	GIẢM	TĂNG		146,861			140,200	131,810	-0.36%	
VPB	21,300	TĂNG	GIẢM	20,200	20,577	5.45%			22,887		
VPI	41,350	GIẢM	GIẢM		41,972				43,124		
VRC	18,500	TĂNG	GIẢM	18,400	16,532	0.54%			19,388		
VRE	35,000	TĂNG	TĂNG	30,400	32,945	15.13%		35,000	28,512	0.00%	
VSC	44,300	TĂNG	GIẢM	42,700	43,004	3.75%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	994.03	-0.05%
VN30	922.29	-0.14%
VN Mid	1,027.20	-0.66%
VN Small	825.87	-0.02%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	108.88	0.37%
HN30	201.01	0.11%
VNX AllSh	898.52	-0.12%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.25	0.34%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	844.81	
Bán	812.70	
GT rỗng	32.11	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	40.45	
Bán	20.67	
GT rỗng	19.78	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	33.97	
Bán	33.28	
GT rỗng	0.69	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
QCG	350	6.97%
SZL	2300	6.97%
FIT	220	6.90%
SZC	800	6.90%
DCL	1200	6.80%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SLS	4900	9.23%
NRC	1200	4.38%
SHB	300	3.95%
SHN	300	3.23%
TVC	100	0.71%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
KDF	2300	10.13%
GEG	1100	6.59%
NTC	6500	6.07%
VGG	2100	3.76%
VTP	6300	3.49%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-13800	-7.00%
HVG	-420	-6.30%
HRC	-2000	-5.71%
SJS	-950	-4.33%
HSG	-370	-3.87%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-2700	-5.93%
PVX	-100	-5.56%
DBC	-1200	-5.00%
TNG	-800	-3.43%
HUT	-100	-2.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DVN	-200	-1.18%
MPC	-400	-0.89%
SWC	-100	-0.62%
CTR	-100	-0.47%
HVN	-100	-0.24%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	375,654	
VHM	307,485	
VNM	245,539	
VCB	232,547	
GAS	199,051	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,789	
VCG	12,545	
VCS	10,756	
PVS	10,515	
VGC	9,684	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	191,620	
VEA	66,048	
MCH	63,150	
HVN	59,728	
VGI	47,665	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
FLC	15,858,350	10,383,732
CTG	8,054,740	6,669,786
ROS	7,011,720	4,488,711
ITA	6,598,740	4,143,248
HSG	6,382,790	6,636,179

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	27,939,406	7,127,409
ART	6,418,061	2,029,389
PVX	3,857,430	2,168,532
HUT	3,433,809	2,187,214
PVS	3,345,723	4,384,714

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SVH	3,850,000	202,632
BSR	2,994,481	1,873,127
SSN	2,891,790	165,159
LPB	1,782,996	1,073,292
VGT	1,611,107	1,060,144

Nguồn: Bloomberg & YSVN

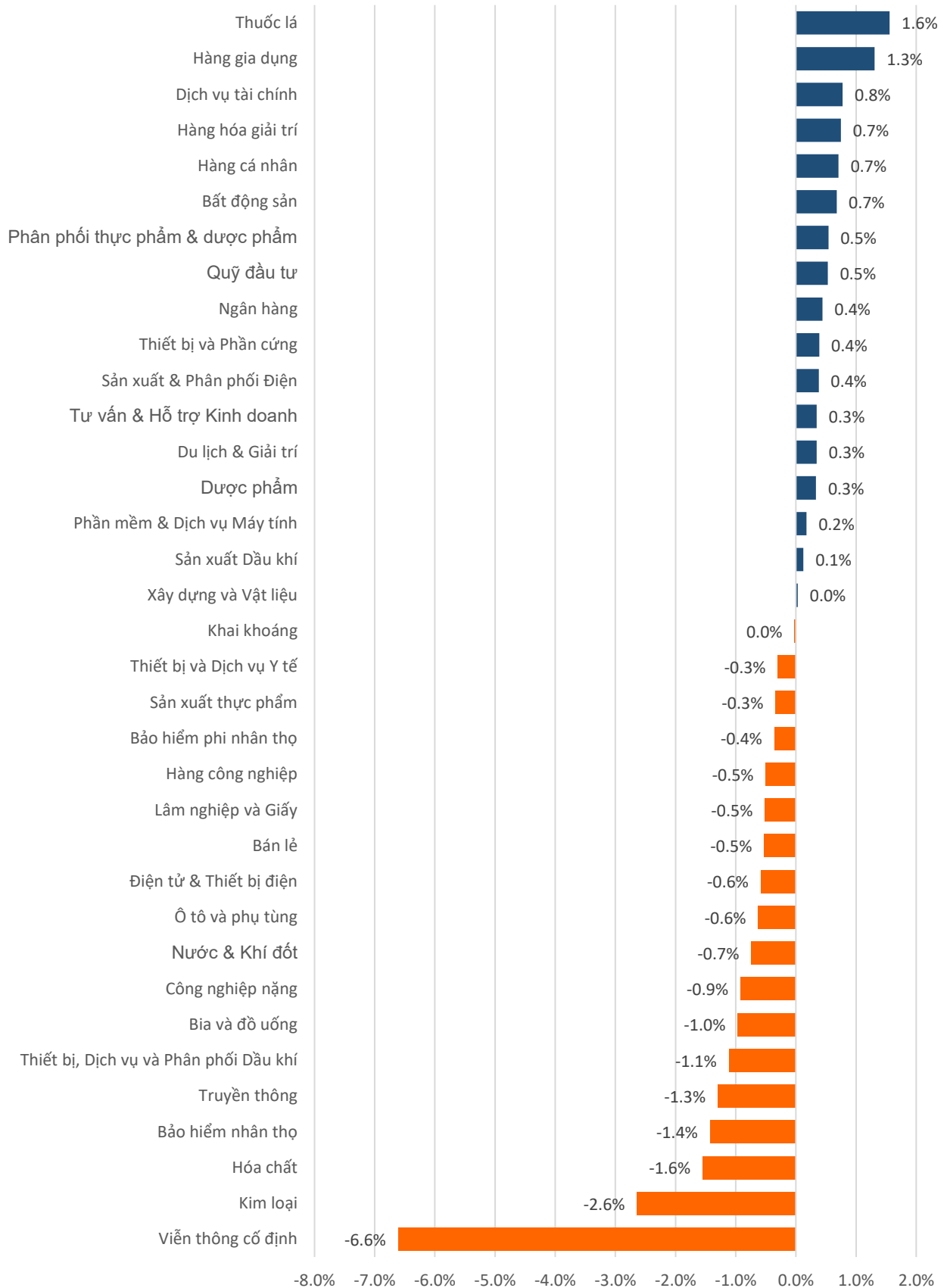
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



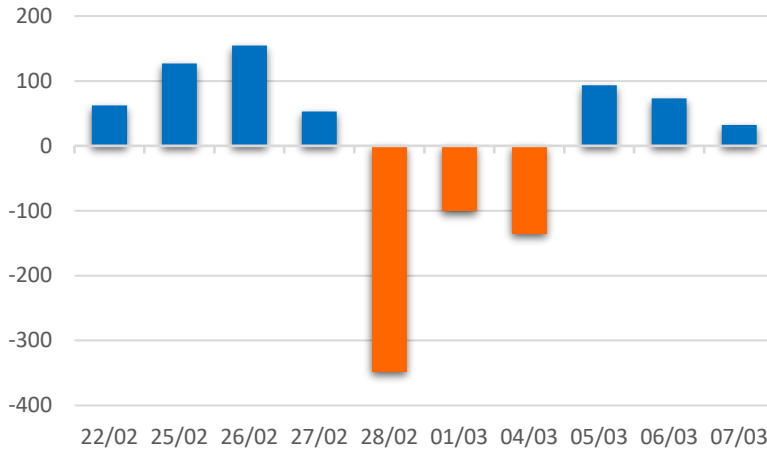
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

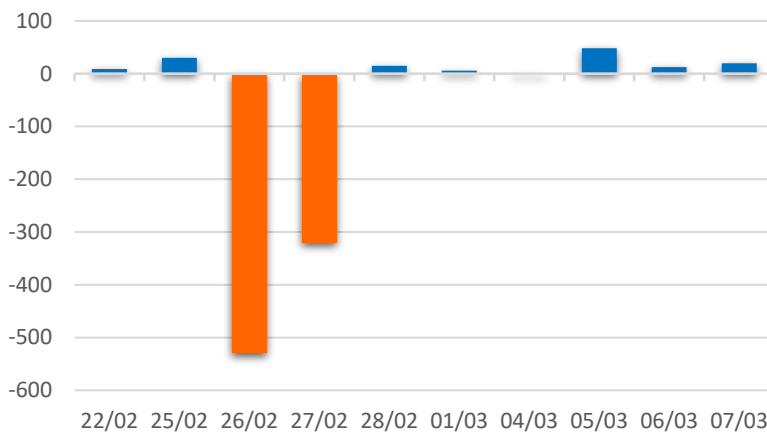
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	87,083	DHG	34,244
VRE	32,740	YEG	32,963
VCB	21,425	VHM	23,635
PLX	17,152	VJC	21,479
BWE	14,013	FLC	19,655

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

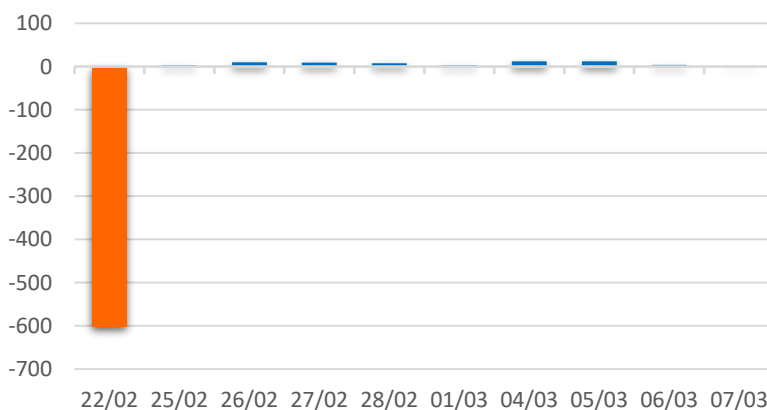
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	17,569	SHS	4,247
VGC	10,224	SHB	2,836
CEO	4,658	BCC	1,827
DTD	1,026	VGS	1,041
DHT	148	HGM	693

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	7,516	BSR	7,340
VTP	4,065	ACV	3,197
LPB	1,658	KDF	1,020
VGG	874	TCI	950
NTC	418	LTG	515

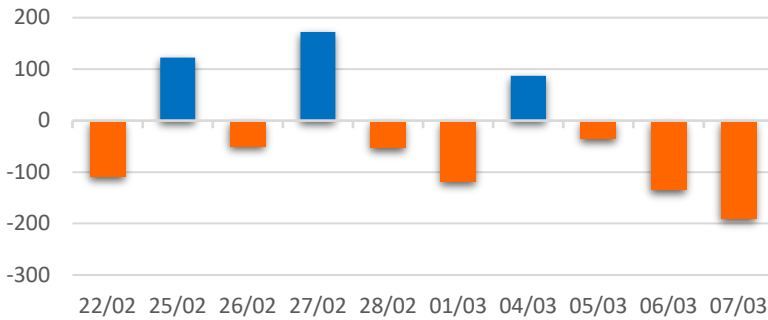
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

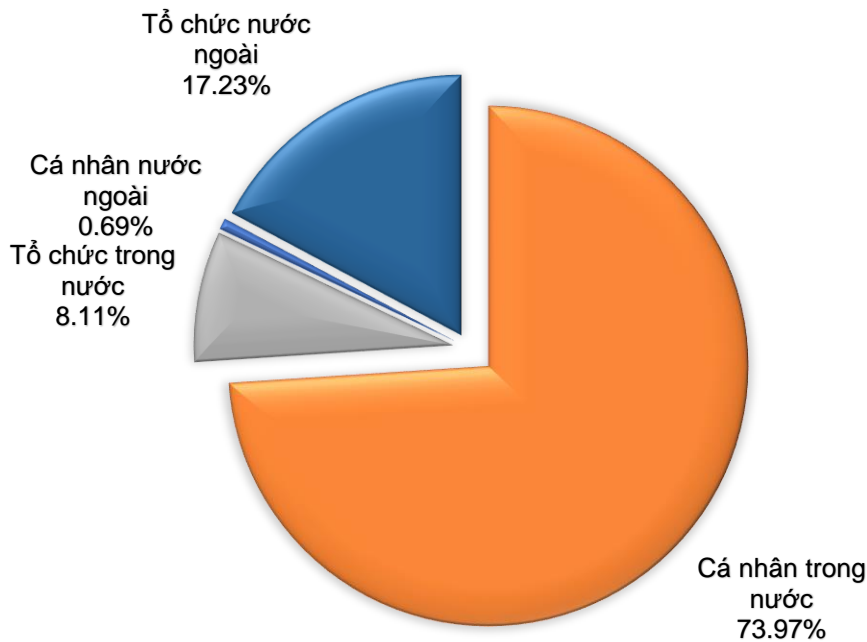
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
CTG	6,451	E1VFN30	87,981
SSI	4,279	VHM	67,727
PLX	3,053	VIC	12,635
HPG	2,815	TCB	11,264
MBB	2,602	VNM	6,749

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

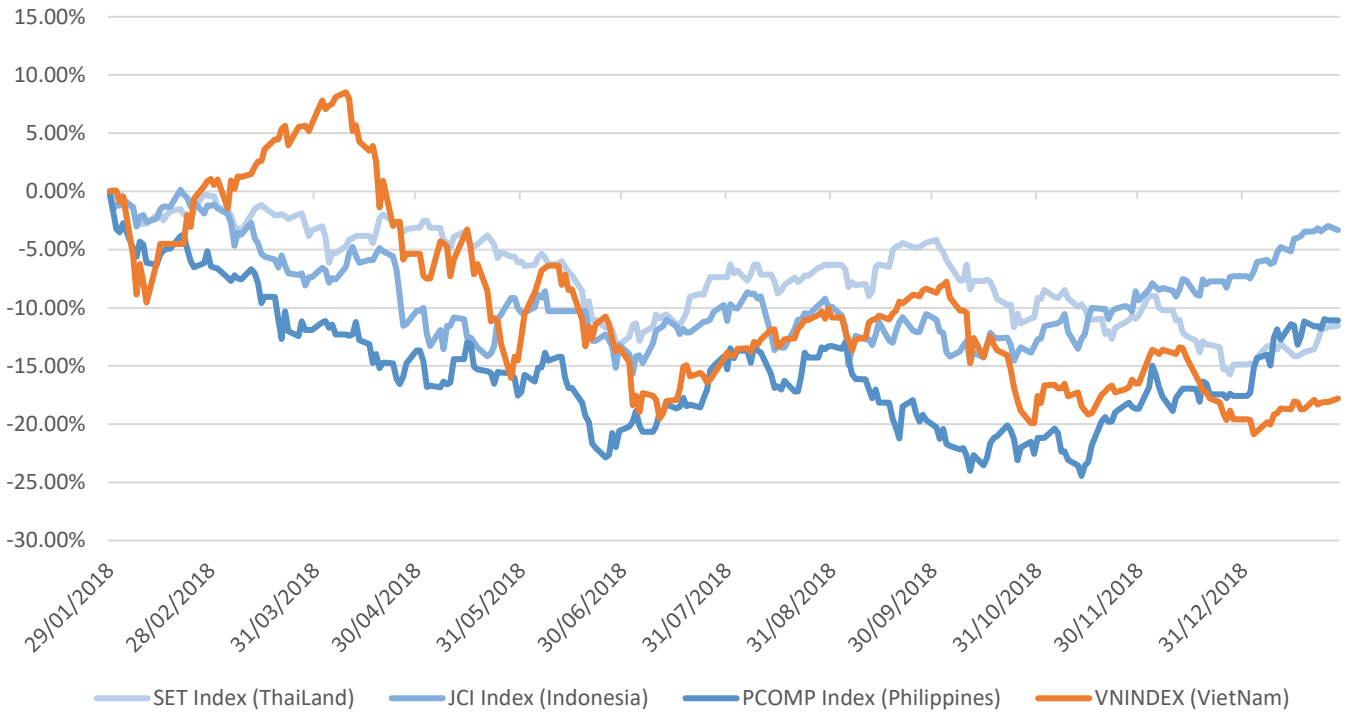


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

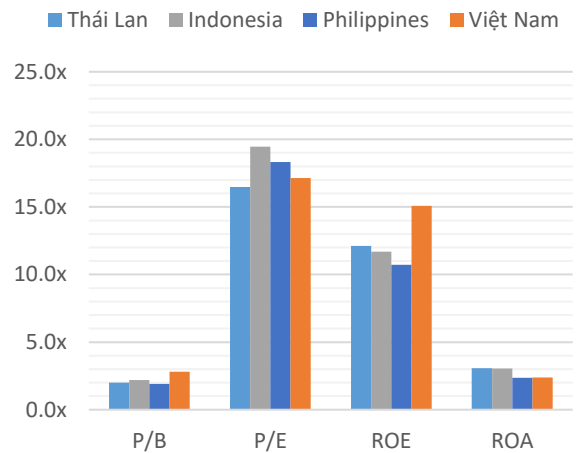
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written